

DANH SÁCH SINH VIÊN K 14, 15, 16, 17 ĐƯỢC MIỄN HỌC PHÍ HỌC KỲ I NĂM HỌC 2019 - 2020
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHKH, ngày tháng 10 năm 2019 của Hiệu trưởng trường Đại học Khoa học)

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ ĐỆM	TÊN	NGÀY SINH	DÂN TỘC	LỚP VÀ KHÓA HỌC	ĐỐI TƯỢNG	Số tiền /tháng	Số tháng	Thành tiền
1	DTZ1652203100001	Hùng Thị	Ngân	25/09/1998	Pà thên	Lịch Sử - K14	Dân tộc rất ít người ở vùng khó khăn	810,000	5	4,050,000
2	DTZ1652202010008	Ma Văn	Thiên	22/09/1998	Tày	Tiếng Anh DL - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
3	DTZ1652202010023	Nông Thế	Vũ	06/11/1997	Tày	Tiếng Anh DL - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
4	DTZ1752220201002	Đình Thị	Lệ	05/10/1999	Thái	Tiếng Anh DL - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
5	DTZ1752220201014	Hoàng Diệu	Lan	15/12/1999	Nùng	Tiếng Anh DL - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
6	DTZ1752220201026	Lộc Thị	Loan	26/04/1998	Giáy	Tiếng Anh DL - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
7	DTZ1857220201005	Dương Thị	Dung	06/01/2000	Hơ mông	Tiếng Anh DL - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
8	DTZ1857220201022	Nông Thị Bích	Nhạc	23/11/2000	Nùng	Tiếng Anh DL - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
9	DTZ1655104010003	Hà Thị Minh	Hương	10/06/1998	Kinh	CoN KT Hóa học - K14	Mồ côi cha mẹ	960,000	5	4,800,000
10	DTZ1957510401006	Sùng A	Ba	08/04/2001	Mông	CoN KT Hóa học - K17	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	960,000	5	4,800,000
11	DTZ1957510401003	Luân Văn	Hiếu	14/05/2001	Nùng	CoN KT Hóa học - K17	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	960,000	5	4,800,000
12	DTZ1957510401004	Vũ Văn	Tùng	29/01/2001	Kinh	CoN KT Hóa học - K17	Sinh viên tàn tật thuộc Hộ nghèo	960,000	5	4,800,000
13	DTZ1957510401002	Phó Văn	Tuyên	01/05/2001	Sán Dìu	CoN KT Hóa học - K17	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	960,000	5	4,800,000
14	DTZ1657204030004	Thào A	Chu	09/06/1998	Hơ mông	Hóa dược - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	960,000	5	4,800,000
15	DTZ1657204030007	Nông Thị	Hằng	22/01/1998	Tày	Hóa dược - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	960,000	5	4,800,000
16	DTZ1857720203008	Hoàng Thị	Duyên	23/10/2000	Sán Chí	Hóa dược - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	960,000	5	4,800,000
17	DTZ1657601010039	Giàng Xe	Bư	26/03/1998	Hà nhì	Công tác XH A - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
18	DTZ1657601010053	Lò Thị	Cảnh	14/08/1998	Thái	Công tác XH A - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
19	DTZ1657601010012	Tráng Seo	Cha	03/10/1998	Mông	Công tác XH A - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
20	DTZ1657601010047	Bùi Văn	Chiên	25/08/1998	Mường	Công tác XH A - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
21	DTZ1657601010135	Giàng A	Chu	27/07/1998	Mông	Công tác XH A - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
22	DTZ1657601010042	Lương Thị	Chuyên	23/05/1998	Tày	Công tác XH A - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
23	DTZ1657601010036	Lò Mì	De	20/12/1998	Hà nhì	Công tác XH A - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
24	DTZ1657601010062	Vừ A	Đĩa	10/06/1998	Hơ mông	Công tác XH A - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
25	DTZ1657601010010	Lý Thị	Đông	05/09/1998	Thái	Công tác XH A - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
26	DTZ1657601010037	Lò Thị	Dư	05/02/1998	Thái	Công tác XH A - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
27	DTZ1657601010145	Ly Ky	Đư	21/07/1998	La hủ	Công tác XH A - K14	Dân tộc rất ít người ở vùng đặc biệt KK	810,000	5	4,050,000
28	DTZ1657601010063	Lò Thị	Hà	17/09/1998	Thái	Công tác XH A - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
29	DTZ1657601010017	Sầm Thị	Hiền	16/07/1997	Nùng	Công tác XH A - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
30	DTZ1657601010052	Nông Thị Hồng	Linh	04/05/1997	Tày	Công tác XH A - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ ĐỆM	TÊN	NGÀY SINH	DÂN TỘC	LỚP VÀ KHÓA HỌC	ĐỐI TƯỢNG	Số tiền /tháng	Số tháng	Thành tiền
31	DTZ1657601010007	Sì Cá	Lòng	07/06/1998	Hà nhĩ	Công tác XH A - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
32	DTZ1657601010131	Ly A	Lử	06/02/1995	Hơ mông	Công tác XH A - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
33	DTZ1657601010133	Hoàng Anh	Lương	19/05/1997	Tày	Công tác XH A - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
34	DTZ1657601010022	Dương Thị	Mai	01/11/1998	Mông	Công tác XH A - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
35	DTZ1657601010027	Hoàng Thị	Nghim	11/10/1997	Dao	Công tác XH A - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
36	DTZ1657601010014	Nông Thị	Nguyệt	15/05/1998	Nùng	Công tác XH A - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
37	DTZ1657601010031	Chánh Thị	Nhùm	02/06/1998	Nùng	Công tác XH A - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
38	DTZ1657601010137	Vàng Thị	Phía	08/03/1998	Hơ mông	Công tác XH A - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
39	DTZ1657601010006	Giàng A	Phùng	15/05/1997	Hơ mông	Công tác XH A - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
40	DTZ1657601010071	Phùng Quang	Phương	10/11/1998	Dao	Công tác XH A - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
41	DTZ1657601010077	Hờ A	Sang	13/11/1997	Hơ mông	Công tác XH A - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
42	DTZ1657601010020	Giàng A	Sềng	21/07/1996	Mông	Công tác XH A - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
43	DTZ1657601010024	Điều Chính	Sơn	05/06/1998	Thái	Công tác XH A - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
44	DTZ1657601010065	Ly A	Su	05/06/1994	Hơ mông	Công tác XH A - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
45	DTZ1657601010018	Ma Thị	Tâm	12/04/1997	Tày	Công tác XH A - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
46	DTZ1657601010046	Ly Seo	Thanh	08/12/1997	Hơ mông	Công tác XH A - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
47	DTZ1657601010011	Quan Thị	Thi	27/04/1998	Tày	Công tác XH A - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
48	DTZ1657601010040	Nông Thị	Thoa	16/05/1998	Tày	Công tác XH A - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
49	DTZ1657601010008	Hoàng Thị	Trà	16/10/1997	Tày	Công tác XH A - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
50	DTZ1657601010033	Lý Văn	Tuấn	16/09/1998	Dao	Công tác XH A - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
51	DTZ1657601010016	Sùng Thị	Vi	05/06/1997	Mông	Công tác XH A - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
52	DTZ1657601010009	Ly Phí	Xạ	15/04/1998	La hủ	Công tác XH A - K14	Dân tộc rất ít người ở vùng đặc biệt KK	810,000	5	4,050,000
53	DTZ1657601010112	Nông Thị Ngọc	Ánh	22/04/1997	Tày	Công tác XH B - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
54	DTZ1657601010079	Mua Mí	Cáy	17/08/1997	Mông	Công tác XH B - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
55	DTZ1657601010120	Lò Thị	Châm	01/01/1997	Thái	Công tác XH B - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
56	DTZ1657601010111	Hạng A	Chinh	04/03/1998	Hơ mông	Công tác XH B - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
57	DTZ1657601010069	Vàng Thị	Chứ	07/04/1998	Hơ mông	Công tác XH B - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
58	DTZ1657601010095	Giàng A	Của	10/02/1997	Hơ mông	Công tác XH B - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
59	DTZ1657601010126	Lò Mạnh	Cường	15/05/1998	Thái	Công tác XH B - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
60	DTZ1657601010098	Chúng Seo	Dẫn	01/01/1991	Nùng	Công tác XH B - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
61	DTZ1657601010100	Lý Chà	Diện	27/05/1998	Sì la	Công tác XH B - K14	Dân tộc rất ít người ở vùng đặc biệt KK	810,000	5	4,050,000
62	DTZ1657601010081	Hàng A	Do	15/02/1997	Hơ mông	Công tác XH B - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
63	DTZ1657601010080	Hoàng Văn	Hiển	09/01/1998	Nùng	Công tác XH B - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
64	DTZ1657601010086	Lương Thị	Hiệu	26/11/1997	Tày	Công tác XH B - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
65	DTZ1657601010085	Cam Thị	Hương	13/11/1997	Tày	Công tác XH B - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
66	DTZ1657601010083	Vàng Văn	Hoàng	23/05/1998	Thái	Công tác XH B - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
67	DTZ1657601010110	Bùi Văn	Khải	20/11/1998	Mường	Công tác XH B - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ ĐỆM	TÊN	NGÀY SINH	DÂN TỘC	LỚP VÀ KHÓA HỌC	ĐỐI TƯỢNG	Số tiền /tháng	Số tháng	Thành tiền
68	DTZ1657601010129	Lò Thị	Khuyển	05/03/1998	Thái	Công tác XH B - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
69	DTZ1657601010109	Lý Mỹ	Lan	18/08/1998	Hà nhì	Công tác XH B - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
70	DTZ1657601010091	Lò Văn	Liễn	20/10/1998	Thái	Công tác XH B - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
71	DTZ1657601010088	Sùng Mí	Ly	22/10/1996	Mông	Công tác XH B - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
72	DTZ1657601010108	Giàng Thị	Mai	23/09/1996	Hơ mông	Công tác XH B - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
73	DTZ1657601010114	Cùng Thị	Mơ	08/04/1998	Pu péo	Công tác XH B - K14	Dân tộc rất ít người ở vùng đặc biệt KK	810,000	5	4,050,000
74	DTZ1657601010119	Thào Mí	Nam	22/06/1998	Hơ mông	Công tác XH B - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
75	DTZ1657601010087	Trần Thị	Nhung	07/07/1997	Hơ mông	Công tác XH B - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
76	DTZ1657601010076	Lý Khò	Nu	06/11/1998	Hà nhì	Công tác XH B - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
77	DTZ1657601010075	Sùng Xừ	Pư	08/01/1998	Hà nhì	Công tác XH B - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
78	DTZ1657601010094	Đieu Văn	Sơn	18/01/1998	Thái	Công tác XH B - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
79	DTZ1657601010082	Phàn A	Thanh	07/10/1995	Dao	Công tác XH B - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
80	DTZ1657601010102	Sỳ Giá	Tư	07/05/1996	Hà nhì	Công tác XH B - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
81	DTZ1657601010101	Hứa Thị	Uyên	26/02/1998	Nùng	Công tác XH B - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
82	DTZ1752760101054	Chu Gió	Cà	27/07/1999	Hà nhì	Công tác XH - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
83	DTZ1752760101070	Bế Văn	Chuyên	17/08/1999	Tày	Công tác XH - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
84	DTZ1752760101026	Sùng A	Chư	07/09/1998	Hơ mông	Công tác XH - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
85	DTZ1752760101078	Chư A	Cu	13/10/1998	Mông	Công tác XH - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
86	DTZ1752760101048	Lý Khừ	De	20/08/1999	Hà nhì	Công tác XH - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
87	DTZ1752760101062	Giàng A	Dénh	05/06/1999	Mông	Công tác XH - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
88	DTZ1752760101037	Giàng A	Dì	06/03/1999	Mông	Công tác XH - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
89	DTZ1752760101061	Thào A	Dì	15/12/1999	Hơ mông	Công tác XH - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
90	DTZ1752760101068	Giàng A	Đông	12/07/1998	Hơ mông	Công tác XH - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
91	DTZ1752760101005	Lý Văn	Duy	30/06/1998	Dao	Công tác XH - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
92	DTZ1752760101014	Lầu Thị	Dung	20/09/1997	Hơ mông	Công tác XH - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
93	DTZ1752760101047	Phàn Xuân	Hải	02/03/1999	Dao	Công tác XH - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
94	DTZ1752760101003	Lầu A	Hành	30/06/1998	Mông	Công tác XH - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
95	DTZ1752760101081	Lý Thu	Hiền	29/09/1998	Hà nhì	Công tác XH - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
96	DTZ1752760101028	Tần Mí	Hồng	19/08/1999	Dao	Công tác XH - K15	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
97	DTZ1752760101052	Giàng A	Hòa	25/11/1999	Mông	Công tác XH - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
98	DTZ1752760101010	Vàng Thị Thúy	Hường	28/01/1998	Thái	Công tác XH - K15	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
99	DTZ1752760101020	Vàng Sừ	Lợi	01/02/1999	Pa dí	Công tác XH - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
100	DTZ1752760101082	Nguyễn Thị	Mai	04/02/1999	Tày	Công tác XH - K15	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
101	DTZ1752760101024	Lý Mỏ	Nu	06/10/1999	Hà nhì	Công tác XH - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
102	DTZ1752760101049	Sính Thị	Pà	07/08/1999	Mông	Công tác XH - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
103	DTZ1752760101064	Mùa A	Pó	12/10/1999	Hơ mông	Công tác XH - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
104	DTZ1752760101031	Đàm Văn	Sáng	01/01/1999	Nùng	Công tác XH - K15	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ ĐỆM	TÊN	NGÀY SINH	DÂN TỘC	LỚP VÀ KHÓA HỌC	ĐỐI TƯỢNG	Số tiền /tháng	Số tháng	Thành tiền
105	DTZ1752760101012	Dinh Thị	Say	19/05/1998	Mông	Công tác XH - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
106	DTZ1752760101057	Thào A	Sinh	03/10/1997	Mông	Công tác XH - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
107	DTZ1752760101043	Vàng Thị	Sua	28/01/1999	Mông	Công tác XH - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
108	DTZ1752760101045	Hoàng Thị	Thắm	15/08/1999	Tày	Công tác XH - K15	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
109	DTZ1752760101072	Hoàng Văn	Thành	04/09/1999	Hơ mông	Công tác XH - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
110	DTZ1752760101071	Sùng Seo	Thề	20/10/1999	Mông	Công tác XH - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
111	DTZ1752760101025	Luân Thùy	Trang	24/06/1999	Nùng	Công tác XH - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
112	DTZ1752760101076	Lý A	Tú	17/10/1999	Hà nhì	Công tác XH - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
113	DTZ1752760101046	Giàng A	Tú	02/02/1999	Hơ mông	Công tác XH - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
114	DTZ1752760101077	Thào Văn	Va	02/04/1998	Mông	Công tác XH - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
115	DTZ1752760101004	Phượng Thị	Vân	30/07/1999	Dao	Công tác XH - K15	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
116	DTZ1752760101029	Hù Thị	Vàng	02/09/1998	Mông	Công tác XH - K15	Mồ côi cha mẹ	810,000	5	4,050,000
117	DTZ1752760101030	Tông Thị	Việt	25/07/1999	Thái	Công tác XH - K15	Mồ côi cha mẹ	810,000	5	4,050,000
118	DTZ1752760101060	Lò Lèn	Xó	16/08/1998	Hà nhì	Công tác XH - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
119	DTZ1752760101034	Hoàng Thị Hải	Yến	08/02/1999	Tày	Công tác XH - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
120	DTZ1857760101045	Vàng Thị	Bâu	24/05/2000	Mông	Công tác XH - K16	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
121	DTZ1857760101004	Sông Thị	Chia	15/07/2000	Mông	Công tác XH - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
122	DTZ1857760101007	Thào A	Dơ	15/05/2000	Mông	Công tác XH - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
123	DTZ1857760101008	Lò Thị	Hà	12/01/2000	Thái	Công tác XH - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
124	DTZ1857760101009	Đàm Thị	Hằng	06/10/2000	Tày	Công tác XH - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
125	DTZ1857760101010	Tráng Thị	Hạnh	25/06/2000	Nùng	Công tác XH - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
126	DTZ1857760101011	Hoàng Thị	Háo	24/06/1999	Nùng	Công tác XH - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
127	DTZ1857760101013	Lý A	Hồ	20/02/1999	Hơ mông	Công tác XH - K16	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
128	DTZ1857760101015	Giàng Thị	Huế	26/12/2000	Mông	Công tác XH - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
129	DTZ1857760101046	Bản Thị	Hương	14/07/2000	Dao	Công tác XH - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
130	DTZ1857760101017	Mùa A	Khai	27/02/2000	Mông	Công tác XH - K16	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
131	DTZ1857760101018	Vì Thị	Lệ	25/02/2000	Tày	Công tác XH - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
132	DTZ1857760101048	Ma Tôn	Liều	28/01/1999	Tày	Công tác XH - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
133	DTZ1857760101019	Lèo Văn	Mạnh	10/05/2000	Thái	Công tác XH - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
134	DTZ1857760101020	Sùng A	Minh	09/04/1999	Hơ mông	Công tác XH - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
135	DTZ1857760101021	Pờ Khừ	Mư	12/03/2000	Hà nhì	Công tác XH - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
136	DTZ1857760101022	Nông Thị Hà	My	21/10/2000	Tày	Công tác XH - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
137	DTZ1857760101023	Đàm Thị Cẩm	Na	09/02/2000	Tày	Công tác XH - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
138	DTZ1857760101025	Mùa A	Nu	09/09/1999	Mông	Công tác XH - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
139	DTZ1857760101027	Vì Thị	Pàng	05/04/2000	Mông	Công tác XH - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
140	DTZ1857760101029	Trang Thị	Phénh	01/09/2000	Hơ mông	Công tác XH - K16	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
141	DTZ1857760101030	Mùa Thị Thu	Phương	03/01/2000	Mông	Công tác XH - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ ĐỆM	TÊN	NGÀY SINH	DÂN TỘC	LỚP VÀ KHÓA HỌC	ĐỐI TƯỢNG	Số tiền /tháng	Số tháng	Thành tiền
142	DTZ1857760101033	Lường Thị	Quyên	21/10/2000	Thái	Công tác XH - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
143	DTZ1857760101034	Sùng A	Sinh	10/03/2000	Hơ mông	Công tác XH - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
144	DTZ1857760101035	Giàng Thị	Sung	05/03/1999	Mông	Công tác XH - K16	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
145	DTZ1857760101038	Giàng Thị	Thu	24/09/2000	Khơ mú	Công tác XH - K16	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
146	DTZ1857760101041	Triệu Quang	Tú	26/04/1998	Nùng	Công tác XH - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
147	DTZ1752760101402	Hà Công	Tuấn	08/11/2000	Thái	Công tác XH - K16	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
148	DTZ1752760101044	Sùng Phi	Xó	17/09/2000	Hà nhì	Công tác XH - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
149	DTZ1957760101022	Tần Xía	Dao	23/11/2000	Dao	Công tác XH - K17	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
150	DTZ1957760101020	Sùng Pó	De	18/08/2001	Hà nhì	Công tác XH - K17	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
151	DTZ1957760101025	Lù Xi	Mé	20/10/2001	Hà nhì	Công tác XH - K17	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
152	DTZ1957760101011	Hoàng Thị Hương	Nội	25/12/2001	Tày	Công tác XH - K17	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
153	DTZ1957760101023	Lý Ló	Pư	07/03/2001	Hà nhì	Công tác XH - K17	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
154	DTZ1957760101010	Lý A	Súa	10/05/2001	Hơ mông	Công tác XH - K17	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
155	DTZ1957760101005	Thào A	Tủa	20/03/1996	Mông	Công tác XH - K17	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
156	DTZ1957760101018	Giàng A	Tàng	05/06/2000	Hơ mông	Công tác XH - K17	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
157	DTZ1957760101015	Sòng A	Thiệu	05/01/2000	Hơ mông	Công tác XH - K17	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
158	DTZ1957760101024	Hoàng Thị	Xoan	22/09/1999	Tày	Công tác XH - K17	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
159	DTZ1653404010050	Đặng Tồn	Chuồng	10/10/1998	Dao	KH Quản lý - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
160	DTZ1653404010046	Đàm Ngọc	Đinh	25/10/1997	Nùng	KH Quản lý - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
161	DTZ1653404010005	Dương Thị	Hạnh	10/08/1998	Nùng	KH Quản lý - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
162	DTZ1653404010022	Nguyễn Thị Minh	Luyến	14/05/1998	Dao	KH Quản lý - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
163	DTZ1653404010053	Nùng Seo	Ngọc	06/11/1998	Nùng	KH Quản lý - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
164	DTZ1653404010033	Xa Văn	Quang	18/11/1998	Mường	KH Quản lý - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
165	DTZ1653404010011	Triệu Mùi	Sao	26/09/1998	Dao	KH Quản lý - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
166	DTZ1653404010041	Sì Go	Sinh	03/10/1997	Hà nhì	KH Quản lý - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
167	DTZ1653404010043	Sùng Mí	Sò	17/02/1997	Mông	KH Quản lý - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
168	DTZ1653404010021	Phùng Thị	Tuyết	10/01/1997	Nùng	KH Quản lý - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
169	DTZ1653404010028	Húng Thị	Viên	17/01/1994	Pà thên	KH Quản lý - K14	Dân tộc rất ít người ở vùng đặc biệt KK	810,000	5	4,050,000
170	DTZ1752340401023	Hạng Thị	Chớ	21/09/1998	Hơ mông	KH Quản lý - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
171	DTZ1752340401014	Lý Bá	Cò	22/09/1999	Hơ mông	KH Quản lý - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
172	DTZ1752340401017	Lý Văn	Đại	24/02/1998	Xuông	KH Quản lý - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
173	DTZ1752340401016	Quàng Thị	Hoa	28/08/1999	Thái	KH Quản lý - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
174	DTZ1752340401002	Liêu Thị	Nhuận	19/06/1998	Tày	KH Quản lý - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
175	DTZ1752340401012	Giàng A	Sang	20/04/1999	Hơ mông	KH Quản lý - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
176	DTZ1752340401001	Lù A	Sênh	22/04/1999	Hơ mông	KH Quản lý - K15	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
177	DTZ1752340401018	Sùng A	Sinh	25/03/1999	Hơ mông	KH Quản lý - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
178	DTZ1752340401024	Lý Bá	Thành	19/04/1999	Hơ mông	KH Quản lý - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ ĐỆM	TÊN	NGÀY SINH	DÂN TỘC	LỚP VÀ KHÓA HỌC	ĐỐI TƯỢNG	Số tiền /tháng	Số tháng	Thành tiền
179	DTZ1857340401001	Lý Thè	De	05/05/2000	Hà nhĩ	KH Quản lý - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
180	DTZ1857340401002	Hoàng Thị	Điền	14/02/2000	Tày	KH Quản lý - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
181	DTZ1857340401007	Mùa A	Long	02/12/1999	Mông	KH Quản lý - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
182	DTZ1857340401006	Chu Thị	Liên	16/05/2000	Nùng	KH Quản lý - K16	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
183	DTZ1957340401036	Dương Ngọc	Mai	09/08/2001	Kinh	KH Quản lý - K17	Con bệnh binh - Có công với CM	810,000	5	4,050,000
184	DTZ1957340401004	Lý Tà	Mây	22/02/2001	Dao	KH Quản lý - K17	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
185	DTZ1957340401026	Bản Quang	Nhân	03/01/2001	Dao	KH Quản lý - K17	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
186	DTZ1957340401021	Bản Văn	On	20/01/2001	Dao	KH Quản lý - K17	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
187	DTZ1957340401012	Lường Như	Quỳnh	23/04/2000	Tày	KH Quản lý - K17	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
188	DTZ1957340401038	Sinh A	Sử	29/01/2001	Hơ mông	KH Quản lý - K17	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
189	DTZ1957340401039	Trần Thị Hải	Vỹ	10/12/2001	Tày	KH Quản lý - K17	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
190	DTZ1653801010046	Liễu Thị	Châm	28/12/1998	Trại	Luật A - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
191	DTZ1653801010024	Hoàng Thị	Châm	15/10/1997	Tày	Luật A - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
192	DTZ1653801010068	Lò Văn	Chường	10/07/1996	Thái	Luật A - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
193	DTZ1653801010045	Thào Thị	Cúc	10/12/1997	Hơ mông	Luật A - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
194	DTZ1653801010048	Đồng Văn	Huy	22/11/1996	Tày	Luật A - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
195	DTZ1653801010007	Nguyễn Thị Minh	Huyền	13/02/1998	Kinh	Luật A - K14	Con thương binh - Có công với CM	810,000	5	4,050,000
196	DTZ1653801010062	Tráng Seo	Nỗ	25/05/1998	Mông	Luật A - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
197	DTZ1653801010071	Thào Thị	Nguyệt	26/04/1995	Mông	Luật A - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
198	DTZ1653801010082	Bản Mùi	Nhim	11/08/1998	Dao	Luật A - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
199	DTZ1653801010060	Đặng Tiến	Sinh	04/09/1998	Dao	Luật A - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
200	DTZ1653801010058	Lường Văn	Sơn	18/10/1998	Thái	Luật A - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
201	DTZ1653801010052	Triệu Ngọc	Tăng	01/02/1996	Dao	Luật A - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
202	DTZ1653801010072	Lương Thị	Thương	21/01/1998	Nùng	Luật A - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
203	DTZ1653801010028	Mùa A	Tính	07/12/1997	Hơ mông	Luật A - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
204	DTZ1653801010078	Giàng A	Vàng	21/10/1998	Mông	Luật A - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
205	DTZ1653801010086	Cháng Văn	Việt	07/02/1997	Nùng	Luật A - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
206	DTZ1653801010051	Trần Thị	Vinh	14/09/1996	Tày	Luật A - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
207	DTZ1653801010138	Phu Hờ	Be	01/03/1998	Hà nhĩ	Luật B - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
208	DTZ1653801010093	Mùa Thị	Cu	01/01/1998	Mông	Luật B - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
209	DTZ1553801010011	Đinh Thị Mai	Chi	26/01/1997	Mường	Luật B - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
210	DTZ1653801010063	Lù Văn	Chiều	15/04/1998	Nùng	Luật B - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
211	DTZ1653801010155	Sùng A	Đinh	09/03/1998	Mông	Luật B - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
212	DTZ1653801010135	Lò Thị	Hải	22/01/1997	Thái	Luật B - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
213	DTZ1653801010172	Cháng A	Hạnh	20/03/1997	Hơ mông	Luật B - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
214	DTZ1653801010174	Lục Quốc	Khánh	11/05/1998	Sán diu	Luật B - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
215	DTZ1653801010113	Hoàng Thị	Len	04/09/1998	Nùng	Luật B - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ ĐỆM	TÊN	NGÀY SINH	DÂN TỘC	LỚP VÀ KHÓA HỌC	ĐỐI TƯỢNG	Số tiền /tháng	Số tháng	Thành tiền
216	DTZ1653801010115	Nguyễn Thị	Mai	29/03/1998	Nùng	Luật B - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
217	DTZ1653801010118	Thắm Thị	Nguyễn	25/04/1998	Tày	Luật B - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
218	DTZ1653801010120	Sùng Sênh	Páo	15/01/1998	Mông	Luật B - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
219	DTZ1653801010169	Mùa A	Phình	01/04/1997	Hơ mông	Luật B - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
220	DTZ1653801010141	Giàng Thị	Súa	06/03/1998	Hơ mông	Luật B - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
221	DTZ1653801010130	Giàng Xuân	Thành	15/05/1998	Hơ mông	Luật B - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
222	DTZ1653801010144	Ly A	Trổng	12/08/1994	Hơ mông	Luật B - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
223	DTZ1653801010154	Giàng Thị	Trang	10/09/1998	Mông	Luật B - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
224	DTZ1653801010143	Châu Văn	Vềnh	18/10/1998	Mông	Luật B - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
225	DTZ1653801010265	Hoàng Thị	Bằng	04/03/1995	Hơ mông	Luật C - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
226	DTZ1653801010212	Chảo A	Chản	28/08/1998	Dao	Luật C - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
227	DTZ1653801010249	Chang Thị	Cu	12/06/1998	Mông	Luật C - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
228	DTZ1653801010181	Sùng A	Cú	03/10/1997	Hơ mông	Luật C - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
229	DTZ1653801010224	Tổng Thị	Cúc	02/11/1998	Thái	Luật C - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
230	DTZ1653801010218	Vừ Chổng	Di	16/01/1997	Mông	Luật C - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
231	DTZ1653801010268	Vạ A	Dia	05/08/1997	Hơ mông	Luật C - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
232	DTZ1653801010230	Hờ Thị	Dợ	10/02/1998	Hơ mông	Luật C - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
233	DTZ1653801010199	Nguyễn Việt	Dững	24/07/1998	Tày	Luật C - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
234	DTZ1653801010192	Giàng A	Hồng	21/01/1997	Mông	Luật C - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
235	DTZ1653801010255	Lý A	Khùa	06/10/1998	Mông	Luật C - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
236	DTZ1653801010242	Lâm Văn	Lập	16/04/1998	Nùng	Luật C - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
237	DTZ1653801010257	Vàng A	Lâu	19/02/1998	Mông	Luật C - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
238	DTZ1653801010248	Lê Thị Khánh	Ly	15/02/1998	Tày	Luật C - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
239	DTZ1653801010197	Lường Thị	Mai	27/09/1997	Nùng	Luật C - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
240	DTZ1653801010258	Giàng Thùy	Mai	28/10/1998	Mông	Luật C - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
241	DTZ1653801010210	Lý A	Mang	04/07/1998	Mông	Luật C - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
242	DTZ1653801010206	Đàm Văn	Nam	09/08/1998	Nùng	Luật C - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
243	DTZ1653801010208	Sùng Ba	Nam	14/10/1997	Mông	Luật C - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
244	DTZ1653801010209	Giàng A	Nénh	12/10/1996	Hơ mông	Luật C - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
245	DTZ1653801010183	Giàng A	Nính	05/08/1998	Mông	Luật C - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
246	DTZ1653801010252	Vàng Seo	Quang	15/09/1998	Nùng	Luật C - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
247	DTZ1653801010190	Vàng Thị	Tầu	28/09/1998	Hơ mông	Luật C - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
248	DTZ1653801010239	Lò Thị	Thanh	01/08/1997	Thái	Luật C - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
249	DTZ1653801010237	Lý Trung	Thành	08/12/1998	Hà nhì	Luật C - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
250	DTZ1653801010214	Nguyễn Thị	Thương	27/02/1998	Nùng	Luật C - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
251	DTZ1653801010222	Mào Thị	Thúy	14/04/1998	Thái	Luật C - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
252	DTZ1653801010254	Lò Thị	Tình	07/08/1998	Thái	Luật C - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ ĐỆM	TÊN	NGÀY SINH	DÂN TỘC	LỚP VÀ KHÓA HỌC	ĐỐI TƯỢNG	Số tiền /tháng	Số tháng	Thành tiền
253	DTZ1653801010256	Vàng A	Vá	23/10/1996	Hơ mông	Luật C - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
254	DTZ1653801010198	Pờ Khò	Xó	26/06/1998	Hà nhì	Luật C - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
255	DTZ1653801010294	Chu Thành	Biên	13/07/1998	Tày	Luật D - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
256	DTZ1653801010343	Sộng A	Chư	06/06/1997	Hơ mông	Luật D - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
257	DTZ1653801010349	Giàng A	Của	13/04/1996	Mông	Luật D - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
258	DTZ1653801010293	Chấu Sín	Cung	20/06/1998	Mông	Luật D - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
259	DTZ1653801010325	Triệu Thị Thanh	Doãn	21/08/1998	Tày	Luật D - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
260	DTZ1653801010352	Hoàng Thị Thu	Hòa	30/09/1997	CaoLan	Luật D - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
261	DTZ1653801010287	Nay	Luân	22/12/1997	Jrai	Luật D - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
262	DTZ1653801010329	Lò Thị	Lược	14/09/1997	Lào	Luật D - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
263	DTZ1653801010316	Triệu Thu	Nguyệt	02/07/1998	Dao	Luật D - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
264	DTZ1653801010357	Lý Thị	Oanh	07/02/1998	Tày	Luật D - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
265	DTZ1653801010304	Mùa Thị	Phếnh	05/06/1998	Mông	Luật D - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
266	DTZ1653801010286	Hoàng Thị	Phượng	21/07/1997	Nùng	Luật D - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
267	DTZ1653801010305	Vừ A	Pó	07/10/1998	Hơ mông	Luật D - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
268	DTZ1653801010306	Và A	Sênh	25/04/1997	Hơ mông	Luật D - K14	Mồ côi cha mẹ	810,000	5	4,050,000
269	DTZ1653801010297	Phản Láo	Sì	17/08/1998	Dao	Luật D - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
270	DTZ1653801010291	Cứ A	Súa	04/01/1996	Hơ mông	Luật D - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
271	DTZ1653801010327	Vàng	Thanh	07/02/1998	Mông	Luật D - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
272	DTZ1653801010319	Giàng A	Và	06/12/1995	Hơ mông	Luật D - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
273	DTZ1653801010371	Vừ A	Anh	25/10/1998	Mông	Luật E - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
274	DTZ1653801010444	Mùa A	Bình	05/04/1998	Mông	Luật E - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
275	DTZ1653801010428	Sùng A	Chính	18/08/1998	Mông	Luật E - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
276	DTZ1653801010409	Ma A	Chơ	03/03/1996	Mông	Luật E - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
277	DTZ1653801010372	Vàng A	Chứ	30/07/1996	Mông	Luật E - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
278	DTZ1653801010383	Thào A	Cú	01/02/1996	Hơ mông	Luật E - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
279	DTZ1653801010391	Hoàng Thị	Dí	03/03/1997	Hơ mông	Luật E - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
280	DTZ1653801010396	Nguyễn Thị	Diễn	06/08/1998	Tày	Luật E - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
281	DTZ1653801010408	Hồ Thị	Đông	15/03/1997	Mông	Luật E - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
282	DTZ1653801010450	Nguyễn Xuân	Giáp	07/10/1995	Tày	Luật E - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
283	DTZ1653801010431	Đặng Thu	Hà	27/10/1998	Dao	Luật E - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
284	DTZ1653801010419	Ly A	Hạnh	16/08/1998	Mông	Luật E - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
285	DTZ1653801010362	Lương Thúy	Hiên	13/06/1998	Nùng	Luật E - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
286	DTZ1653801010414	Trần Trung	Hiếu	01/05/1998	Kinh	Luật E - K14	Con thương binh - Có công với CM	810,000	5	4,050,000
287	DTZ1653801010433	Lầu A	Hờ	09/09/1998	Hơ mông	Luật E - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
288	DTZ1653801010400	Bế Nhật	Hoàng	24/08/1997	Tày	Luật E - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
289	DTZ1653801010378	Lầu A	Hồng	07/10/1997	Hơ mông	Luật E - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ ĐỆM	TÊN	NGÀY SINH	DÂN TỘC	LỚP VÀ KHÓA HỌC	ĐỐI TƯỢNG	Số tiền /tháng	Số tháng	Thành tiền
290	DTZ1653801010395	Trần Sĩ	Hùng	30/01/1997	Nùng	Luật E - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
291	DTZ1653801010388	Sùng A	Kinh	17/03/1998	Hơ mông	Luật E - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
292	DTZ1653801010445	Cáo Thị	Lan	02/01/1996	Nùng	Luật E - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
293	DTZ1653801010448	Triệu Thúy	Lan	20/06/1997	Dao	Luật E - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
294	DTZ1653801010442	Lý Mỹ	Lò	02/06/1997	Hà nhì	Luật E - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
295	DTZ1653801010397	Nguyễn Thị	Mai	15/08/1997	Tày	Luật E - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
296	DTZ1653801010436	Lý Pờ	Mé	15/05/1997	Hà nhì	Luật E - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
297	DTZ1653801010437	Đặng Mùi	Nái	02/09/1998	Dao	Luật E - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
298	DTZ1653801010393	Hoàng Thị	Nguyệt	27/10/1998	Tày	Luật E - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
299	DTZ1653801010447	Lò Ló	Nu	15/06/1997	Hà nhì	Luật E - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
300	DTZ1653801010382	Giàng A	Páo	22/12/1998	Mông	Luật E - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
301	DTZ1653801010374	Sùng A	Phổng	15/08/1997	Hơ mông	Luật E - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
302	DTZ1653801010387	Hảng A	Sở	12/09/1997	Mông	Luật E - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
303	DTZ1653801010389	Lầu A	Thống	15/09/1998	Hơ mông	Luật E - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
304	DTZ1653801010430	Vàng Thị	Thu	11/02/1998	Nùng	Luật E - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
305	DTZ1653801010438	Nguyễn Văn	Thuận	25/05/1996	Tày	Luật E - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
306	DTZ1653801010416	Triệu Thị	Tơ	17/12/1997	Dao	Luật E - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
307	DTZ1653801010413	Ly A	Và	07/06/1994	Hơ mông	Luật E - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
308	DTZ1653801010402	Lao Thị	Vân	14/05/1998	Nùng	Luật E - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
309	DTZ1653801010486	Vàng A	Dénh	10/05/1996	Mông	Luật F - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
310	DTZ1653801010452	Hoàng Thị	Diệp	08/04/1998	Tày	Luật F - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
311	DTZ1653801010464	Sùng Thị	Già	20/04/1996	Mông	Luật F - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
312	DTZ1653801010463	Cừ Mí	Gió	01/02/1997	Mông	Luật F - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
313	DTZ1653801010497	Chu Thị Thu	Hà	27/01/1998	Tày	Luật F - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
314	DTZ1653801010507	Nông Tiến	Hào	21/08/1995	Tày	Luật F - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
315	DTZ1653801010485	Lương Trung	Hiếu	04/12/1997	Nùng	Luật F - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
316	DTZ1653801010490	Lý Thị Ái	Linh	20/11/1998	Mường	Luật F - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
317	DTZ1653801010494	Nguyễn Thị Thùy	Linh	04/12/1997	Kinh	Luật F - K14	Con thương binh - Có công với CM	810,000	5	4,050,000
318	DTZ1653801010495	Đàm Thị	Lương	29/03/1997	Nùng	Luật F - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
319	DTZ1653801010478	Nông Hồng	Ly	14/10/1998	Tày	Luật F - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
320	DTZ1653801010459	Pờ Xa	Mé	07/12/1997	Hà nhì	Luật F - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
321	DTZ1653801010468	Lý Xó	Nu	16/07/1997	Hà nhì	Luật F - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
322	DTZ1653801010465	Lương Thị	Phương	10/08/1998	Nùng	Luật F - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
323	DTZ1653801010481	Sùng A	Sinh	06/04/1998	Hơ mông	Luật F - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
324	DTZ1653801010499	Ly A	Sù	07/08/1998	Mông	Luật F - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
325	DTZ1653801010476	Thào Thị	Sung	12/07/1998	Mông	Luật F - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
326	DTZ1653801010454	Lò Thị	Thào	19/05/1997	Thái	Luật F - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ ĐỆM	TÊN	NGÀY SINH	DÂN TỘC	LỚP VÀ KHÓA HỌC	ĐỐI TƯỢNG	Số tiền /tháng	Số tháng	Thành tiền
327	DTZ1653801010455	Thào A	Trầu	07/05/1998	Mông	Luật F - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
328	DTZ1653801010483	Nguyễn Thị	Tượng	07/10/1998	Tày	Luật F - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
329	DTZ1653801010501	Lò Thị	Võ	31/10/1998	Thái	Luật F - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
330	DTZ1653801010461	Sinh Thị	Yến	01/07/1997	Lô lô	Luật F - K14	Dân tộc rất ít người ở vùng đặc biệt KK	810,000	5	4,050,000
331	DTZ1752380101075	Hoàng Văn	Đành	22/06/1998	Mông	Luật A - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
332	DTZ1752380101026	Vừ A	Dia	20/12/1999	Mông	Luật A - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
333	DTZ1752380101094	Thào Thị	Giàng	20/06/1999	Mông	Luật A - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
334	DTZ1752380101072	Lường Văn	Hà	06/07/1999	Thái	Luật A - K15	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
335	DTZ1752380101051	Thào A	Hai	04/10/1999	Hơ mông	Luật A - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
336	DTZ1752380101033	Hà Thị	Hạnh	06/08/1999	Thái	Luật A - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
337	DTZ1752380101001	Triệu Đức	Khiêm	30/04/1999	Dao	Luật A - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
338	DTZ1752380101093	Vàng Thị Mai	Lan	04/10/1999	Mông	Luật A - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
339	DTZ1752380101059	Hoàng Thị	Linh	01/09/1999	Sán Chí	Luật A - K15	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
340	DTZ1752380101014	Lò Thị	Nga	06/03/1999	Thái	Luật A - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
341	DTZ1752380101024	Hoàng Văn	Quang	19/08/1999	Tày	Luật A - K15	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
342	DTZ1752380101068	Chang A	Sang	05/02/1998	Mông	Luật A - K15	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
343	DTZ1752380101091	Sùng A	Sính	10/11/1998	Hơ mông	Luật A - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
344	DTZ1752380101096	Sùng A	Sò	02/05/1998	Mông	Luật A - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
345	DTZ1752380101041	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	06/07/1999	Tày	Luật A - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
346	DTZ1752380101049	Thào A	Thắng	01/06/1999	Mông	Luật A - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
347	DTZ1752380101002	Giàng A	Thào	05/09/1998	Mông	Luật A - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
348	DTZ1752380101048	Hà Thị	Thùy	02/06/1999	Tày	Luật A - K15	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
349	DTZ1752380101079	Cứ A	Tủa	12/01/1998	Mông	Luật A - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
350	DTZ1752380101140	Thào A	Chớ	24/03/1998	Hơ mông	Luật B - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
351	DTZ1752380101160	Nông Kiều	Diễm	01/04/1999	Nùng	Luật B - K15	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
352	DTZ1752380101175	Sùng Thị	Dợ	16/11/1999	Mông	Luật B - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
353	DTZ1752380101120	Thào A	Già	06/07/1998	Hơ mông	Luật B - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
354	DTZ1752380101141	Hoàng Thị	Huệ	27/07/1999	Tày	Luật B - K15	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
355	DTZ1752380101162	Quảng Thị	Kiểm	14/06/1998	Phù lá	Luật B - K15	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
356	DTZ1752380101176	Trần Thị Nhị	Long	15/08/1999	Kinh	Luật B - K15	Con thương binh - Có công với CM	810,000	5	4,050,000
357	DTZ1752380101131	Giàng A	Pó	07/10/1998	Hơ mông	Luật B - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
358	DTZ1752380101190	Đinh Liễu	Phượng	05/09/1999	Tày	Luật B - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
359	DTZ1752380101156	Mua Mí	Sáng	01/10/1998	Mông	Luật B - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
360	DTZ1752380101130	Vàng A	Sĩ	15/06/1999	Mông	Luật B - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
361	DTZ1752380101170	Sùng Thị	Sua	16/10/1999	Hơ mông	Luật B - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
362	DTZ1752380101124	Hoàng Thị	Thủy	07/01/1999	Tày	Luật B - K15	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
363	DTZ1752380101195	Hoàng Anh	Tuấn	20/08/1998	Nùng	Luật B - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ ĐỆM	TÊN	NGÀY SINH	DÂN TỘC	LỚP VÀ KHÓA HỌC	ĐỐI TƯỢNG	Số tiền /tháng	Số tháng	Thành tiền
364	DTZ1752380101155	Lô Thị Kim	Tuyển	22/05/1999	Nùng	Luật B - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
365	DTZ1752380101154	Quan Văn	Thế	30/04/1998	Tày	Luật B - K15	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
366	DTZ1752380101126	Sùng A	Váng	21/12/1998	Mông	Luật B - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
367	DTZ1752380101102	Dương Văn	Viên	01/05/1998	Mông	Luật B - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
368	DTZ1752380101275	Giàng Vinh	Anh	11/01/1998	Mông	Luật C - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
369	DTZ1752380101202	Ma A	Bác	19/05/1999	Mông	Luật C - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
370	DTZ1752380101270	Giàng Thị	Cá	06/07/1999	Mông	Luật C - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
371	DTZ1752380101205	Và A	Chía	01/02/1999	Mông	Luật C - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
372	DTZ1752380101218	Chá A	Chứ	17/06/1999	Mông	Luật C - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
373	DTZ1752380101212	Hạng Thị	Co	06/02/1998	Mông	Luật C - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
374	DTZ1752380101225	Lò Thị	Diên	09/09/1998	Khơ mú	Luật C - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
375	DTZ1752380101259	Mùa Thị	Dứa	15/06/1999	Hơ mông	Luật C - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
376	DTZ1752380101268	Giàng A	Dùng	20/10/1996	Hơ mông	Luật C - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
377	DTZ1752380101231	Mã Hải	Dùng	12/12/1999	Tày	Luật C - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
378	DTZ1752380101288	La Thị	Hạnh	24/08/1996	Nùng	Luật C - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
379	DTZ1752380101247	Lò Đức	Học	13/08/1999	Thái	Luật C - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
380	DTZ1752380101209	Hạng A	Hồng	25/06/1999	Mông	Luật C - K15	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
381	DTZ1752380101241	Triệu Thị	Lễ	01/02/1999	Tày	Luật C - K15	Mồ côi cha mẹ	810,000	5	4,050,000
382	DTZ1752380101258	Sùng Thị	Lía	29/09/1998	Hơ mông	Luật C - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
383	DTZ1752380101246	Vy Thị	Lịch	19/09/1999	Nùng	Luật C - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
384	DTZ1752380101204	Chang Thị	Lú	17/08/1999	Hơ mông	Luật C - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
385	DTZ1752380101257	Sùng Thị	Má	06/08/1999	Mông	Luật C - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
386	DTZ1752380101217	Vừ A	Nhìa	12/08/1999	Mông	Luật C - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
387	DTZ1752380101220	Và A	Phá	07/11/1998	Mông	Luật C - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
388	DTZ1752380101248	Lý Go	Pư	20/05/1999	Hà nhì	Luật C - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
389	DTZ1752380101234	Lý Văn	Quý	08/02/1999	Cống	Luật C - K15	Dân tộc rất ít người ở vùng đặc biệt KK	810,000	5	4,050,000
390	DTZ1752380101215	Hờ Thị	Sùng	07/08/1999	Mông	Luật C - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
391	DTZ1752380101293	Sùng A	Tùng	22/12/1998	Mông	Luật C - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
392	DTZ1752380101284	Giàng A	Thắng	20/04/1996	Mông	Luật C - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
393	DTZ1752380101236	Tô Thị	Thanh	08/05/1999	Nùng	Luật C - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
394	DTZ1752380101274	Giàng A	Thì	04/09/1998	Mông	Luật C - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
395	DTZ1752380101240	Tân Cao	Thiên	26/12/1999	Dao	Luật C - K15	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
396	DTZ1752380101260	Vì Văn	Thuận	05/08/1996	Nùng	Luật C - K15	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
397	DTZ1752380101286	Sùng A	Trung	08/06/1999	Mông	Luật C - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
398	DTZ1752380101282	Vàng Bá	Tú	06/10/1996	Mông	Luật C - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
399	DTZ1752380101251	Và A	Vi	10/09/1999	Mông	Luật C - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
400	DTZ1752380101291	Lý Khừ	Xó	15/06/1999	Hà nhì	Luật C - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ ĐỆM	TÊN	NGÀY SINH	DÂN TỘC	LỚP VÀ KHÓA HỌC	ĐỐI TƯỢNG	Số tiền /tháng	Số tháng	Thành tiền
401	DTZ1752380101290	Pờ Hà	Bắc	04/07/1999	Hà nhĩ	Luật D - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
402	DTZ1752380101309	Thào A	Cao	08/12/1999	Hơ mông	Luật D - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
403	DTZ1752380101254	Chớ A	Chua	02/03/1998	Hơ mông	Luật D - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
404	DTZ1752380101142	Mùa Thị	Cú	12/02/1999	Mông	Luật D - K15	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
405	DTZ1752380101166	Sùng A	Của	19/02/1998	Hơ mông	Luật D - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
406	DTZ1752380101030	Lý Văn	Diết	23/01/1999	Dao	Luật D - K15	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
407	DTZ1752380101298	Sùng Thị	Dua	06/07/1999	Hơ mông	Luật D - K15	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
408	DTZ1752380101307	Nùng Văn	Đình	04/02/1998	Lô lô	Luật D - K15	Dân tộc rất ít người ở vùng đặc biệt KK	810,000	5	4,050,000
409	DTZ1752380101289	Nguyễn Hồng	Hạnh	25/04/1998	Nùng	Luật D - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
410	DTZ1752380101312	Lý Văn	Hoàng	26/06/1998	Nùng	Luật D - K15	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
411	DTZ1752380101118	Lò Thị	Nhung	20/03/1998	Thái	Luật D - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
412	DTZ1752380101303	Hạng A	Phừ	16/07/1998	Mông	Luật D - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
413	DTZ1752380101305	Vàng Xảo	Quăng	05/08/1998	Mông	Luật D - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
414	DTZ1752380101311	Pờ Lé	Sinh	24/05/1999	Hà nhĩ	Luật D - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
415	DTZ1752380101165	Lò Thị Minh	Thư	30/03/1999	Thái	Luật D - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
416	DTZ1752380101300	Hoàng Thị	Thúy	24/06/1999	Tày	Luật D - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
417	DTZ1752380101266	Thào A	Tính	12/07/1999	Mông	Luật D - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
418	DTZ1752380101308	Hoàng Văn	Tu	28/09/1998	Mông	Luật D - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
419	DTZ1752380101292	Lý Thị	Tuyết	22/10/1999	Cống	Luật D - K15	Dân tộc rất ít người ở vùng đặc biệt KK	810,000	5	4,050,000
420	DTZ1752380101192	Chu Mạnh	Tùng	22/04/1999	Ngái	Luật D - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
421	DTZ1752380101139	Vì Thị	Yến	28/12/1999	Thái	Luật D - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
422	DTZ1857380101002	Tòng Văn	Biển	09/03/2000	Thái	Luật A - K16	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
423	DTZ1857380101005	Vàng Thị	Dí	29/12/2000	Mông	Luật A - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
424	DTZ1857380101006	Vừ A	Đo	27/10/2000	Mông	Luật A - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
425	DTZ1857380101007	Sinh Thị	Dừa	06/08/2000	Mông	Luật A - K16	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
426	DTZ1857380101010	Giàng A	Dững	27/03/2000	Hơ mông	Luật A - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
427	DTZ1857380101014	Nông Thị Việt	Hòa	06/03/2000	Tày	Luật A - K16	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
428	DTZ1857380101015	Lâm Thị Thu	Hoài	02/10/2000	Nùng	Luật A - K16	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
429	DTZ1857380101018	Mùa A	Hồng	09/03/2000	Hơ mông	Luật A - K16	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
430	DTZ1857380101022	Lý Mạnh	Hùng	06/06/1999	Mông	Luật A - K16	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
431	DTZ1857380101023	Sòng Thị	Hương	28/11/2000	Mông	Luật A - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
432	DTZ1857380101026	Hoàng Thị	Hường	29/08/2000	Nùng	Luật A - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
433	DTZ1857380101027	Chu Đình	Hữu	11/08/2000	Dao	Luật A - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
434	DTZ1857380101198	Lò Văn	Hiệp	20/05/2000	Thái	Luật A - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
435	DTZ1857380101050	Ly Mí	Pó	06/10/2000	Mông	Luật A - K16	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
436	DTZ1857380101031	Vàng Thị	Ấa	11/12/1999	Mông	Luật A - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
437	DTZ1857380101032	Vàng A	Ká	10/04/2000	Mông	Luật A - K16	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ ĐỆM	TÊN	NGÀY SINH	DÂN TỘC	LỚP VÀ KHÓA HỌC	ĐỐI TƯỢNG	Số tiền /tháng	Số tháng	Thành tiền
438	DTZ1857380101037	Giàng A	Ký	10/06/2000	Mông	Luật A - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
439	DTZ1857380101038	Hoàng Thị	Lan	29/11/2000	Nùng	Luật A - K16	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
440	DTZ1857380101219	Lầu A	Lý	20/08/2000	Hơ mông	Luật A - K16	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
441	DTZ1857380101042	Hoàng Thị	Ngon	10/05/1998	Nùng	Luật A - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
442	DTZ1857380101044	Giàng Văn	Phênh	16/01/2000	Mông	Luật A - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
443	DTZ1857380101046	Vừ A	Phổng	20/12/2000	Hơ mông	Luật A - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
444	DTZ1857380101048	Mào Thị Ánh	Phượng	06/12/2000	Thái	Luật A - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
445	DTZ1857380101051	Giàng A	Pồ	10/05/2000	Mông	Luật A - K16	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
446	DTZ1857380101054	Triệu Duy	Sáng	06/03/1999	Dao	Luật A - K16	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
447	DTZ1857380101055	Lầu A	Sênh	13/08/2000	Mông	Luật A - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
448	DTZ1857380101057	Vàng A	So	14/04/2000	Mông	Luật A - K16	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
449	DTZ1857380101059	Vàng A	Tà	11/01/2000	Hơ mông	Luật A - K16	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
450	DTZ1857380101065	Nông Thị Thu	Trang	13/10/1999	Nùng	Luật A - K16	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
451	DTZ1857380101067	Lý Văn	Tùng	21/02/2000	Dao	Luật A - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
452	DTZ1857380101071	Hoàng Thị Ngọc	Ánh	17/02/2000	Nùng	Luật B - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
453	DTZ1857380101072	Hà Minh	Bắc	16/03/2000	Tày	Luật B - K16	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
454	DTZ1857380101074	Vàng A	Câu	19/09/1999	Mông	Luật B - K16	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
455	DTZ1857380101079	Mùa A	Của	01/03/2000	Hơ mông	Luật B - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
456	DTZ1857380101077	Lò Thị	Chung	01/11/2000	La ha	Luật B - K16	Dân tộc rất ít người ở vùng đặc biệt KK	810,000	5	4,050,000
457	DTZ1857380101078	Vàng A	Chùng	25/07/2000	Mông	Luật B - K16	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
458	DTZ1857380101081	Hờ Mí	Dĩa	12/04/2000	Mông	Luật B - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
459	DTZ1857380101083	Giàng A	Dơ	10/10/1996	Hơ mông	Luật B - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
460	DTZ1857380101084	Vàng Thị	Dợ	12/10/2000	Mông	Luật B - K16	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
461	DTZ1857380101086	Thào Thị	Dung	01/02/2000	Mông	Luật B - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
462	DTZ1857380101087	Hoàng Lệ	Giang	21/09/2000	Nùng	Luật B - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
463	DTZ1857380101156	Triệu Thị	Hà	07/09/2000	Dao	Luật B - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
464	DTZ1857380101089	Vàng A	Hà	03/08/2000	Hơ mông	Luật B - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
465	DTZ1857380101093	Cà Văn	Hậu	29/07/1999	Thái	Luật B - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
466	DTZ1857380101099	Nông Thị	Liên	02/01/2000	Tày	Luật B - K16	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
467	DTZ1857380101106	Bàn Thị Hải	Lý	19/12/2000	Dao	Luật B - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
468	DTZ1857380101108	Giàng Xé	Mề	10/04/2000	Hà nhì	Luật B - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
469	DTZ1857380101208	Vàng Kha	Mi	17/03/2000	Mông	Luật B - K16	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
470	DTZ1857380101111	Vàng Xuân	Mừng	01/10/2000	Giáy	Luật B - K16	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
471	DTZ1857380101112	Giàng A	Nếnh	06/07/2000	Hơ mông	Luật B - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
472	DTZ1857380101114	Mùa Lao	Páo	11/07/1998	Hơ mông	Luật B - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
473	DTZ1857380101117	Thào A	Sử	18/12/2000	Hơ mông	Luật B - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
474	DTZ1857380101118	Thào Bình	Thanh	03/02/2000	Mông	Luật B - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ ĐỆM	TÊN	NGÀY SINH	DÂN TỘC	LỚP VÀ KHÓA HỌC	ĐỐI TƯỢNG	Số tiền /tháng	Số tháng	Thành tiền
475	DTZ1857380101119	Vừ A	Thay	15/11/2000	Mông	Luật B - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
476	DTZ1857380101120	Triệu Thị	Thìn	20/05/2000	Dao	Luật B - K16	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
477	DTZ1857380101123	Pờ Minh	Thu	17/07/2000	Hà nhì	Luật B - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
478	DTZ1857380101124	Mùa A	Thụ	06/02/2000	Hơ mông	Luật B - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
479	DTZ1857380101125	Lý Mai	Thuận	05/07/2000	Si la	Luật B - K16	Dân tộc rất ít người ở vùng đặc biệt KK	810,000	5	4,050,000
480	DTZ1857380101127	Hoàng Thị	Thúy	08/11/2000	Nùng	Luật B - K16	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
481	DTZ1857380101133	Hứa Văn	Trung	05/01/1999	Nùng	Luật B - K16	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
482	DTZ1857380101139	Giàng A	Vàng	04/06/2000	Hơ mông	Luật B - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
483	DTZ1857380101039	Dương Thị	Mến	14/09/2000	Nùng	Luật C - K16	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
484	DTZ1957380101031	Vàng A	Anh	13/12/1995	Hơ mông	Luật A - K17	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
485	DTZ1957380101120	Ly A	Chợ	06/09/2000	Hơ mông	Luật A - K17	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
486	DTZ1957380101037	Vàng A	Dạ	03/11/2001	Mông	Luật A - K17	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
487	DTZ1957380101053	Chang Gạ	De	12/09/2001	Hà nhì	Luật A - K17	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
488	DTZ1957380101013	Vừ A	Dua	25/12/2000	Mông	Luật A - K17	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
489	DTZ1957380101008	Đàm Văn	Giang	26/01/2001	Nùng	Luật A - K17	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
490	DTZ1957380101005	Thào Thị	Mỹ	02/01/2000	Hơ mông	Luật A - K17	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
491	DTZ1957380101019	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	13/03/2001	Tày	Luật A - K17	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
492	DTZ1957380101048	Đào Văn	Ngôn	25/05/2001	Mông	Luật A - K17	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
493	DTZ1957380101054	Phán Khừ	Nu	13/05/2001	La hủ	Luật A - K17	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
494	DTZ1957380101038	Mào Thị	Quỳnh	02/09/2001	Thái	Luật A - K17	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
495	DTZ1957380101012	Hờ A	Sáy	12/01/2001	Hơ mông	Luật A - K17	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
496	DTZ1957380101004	Giàng Seo	Sống	15/06/2001	Hơ mông	Luật A - K17	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
497	DTZ1957380101030	La Văn	Tính	04/06/2001	Tày	Luật A - K17	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
498	DTZ1957380101090	Sùng A	Tính	08/07/2001	Hơ mông	Luật A - K17	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
499	DTZ1957380101006	Lý Thị	Va	04/10/2000	Hơ mông	Luật A - K17	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
500	DTZ1957380101116	Lầu A	Chừ	05/01/2001	Hơ mông	Luật B - K17	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
501	DTZ1957380101060	Giàng A	Chổng	20/09/2001	Hơ mông	Luật B - K17	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
502	DTZ1957380101073	Lục Văn	Đạo	25/01/2001	Tày	Luật B - K17	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
503	DTZ1957380101102	Lý Xuân	Hải	15/05/2001	Hà nhì	Luật B - K17	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
504	DTZ1957380101056	Khoàng Xé	Ly	11/08/2000	Hà nhì	Luật B - K17	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
505	DTZ1957380101106	Phu Hờ	Mề	07/08/2001	Hà nhì	Luật B - K17	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
506	DTZ1957380101087	Vàng Lao	Nụ	23/07/2001	Hơ mông	Luật B - K17	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
507	DTZ1957380101071	Lường Văn	Tinh	27/10/2001	Lào	Luật B - K17	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
508	DTZ1957380101086	Đặng Phương Nhâ	Trâm	11/09/2000	Dao	Luật B - K17	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
509	DTZ1957380101114	Sùng A	Vừ	12/07/2000	Hơ mông	Luật B - K17	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
510	DTZ1654402170003	Đinh Quang	Phùng	22/03/1997	Tày	Địa lý - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	960,000	5	4,800,000
511	DTZ1654403010003	Hoàng Thị	Đào	14/10/1998	Nùng	KH Môi trường - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	960,000	5	4,800,000

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ ĐỆM	TÊN	NGÀY SINH	DÂN TỘC	LỚP VÀ KHÓA HỌC	ĐỐI TƯỢNG	Số tiền /tháng	Số tháng	Thành tiền
512	DTZ1658501010005	Quan Thị	Đào	25/09/1998	Tày	QLTN Môi trường - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	960,000	5	4,800,000
513	DTZ1658501010033	Vàng A	Lính	30/09/1998	Hơ mông	QLTN Môi trường - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	960,000	5	4,800,000
514	DTZ1658501010029	Phàng A	Minh	10/06/1998	Mông	QLTN Môi trường - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	960,000	5	4,800,000
515	DTZ1658501010021	Nông Nga	Mỹ	16/10/1998	Tày	QLTN Môi trường - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	960,000	5	4,800,000
516	DTZ1658501010003	Bùi Thị Quỳnh	Nga	25/10/1998	Mường	QLTN Môi trường - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	960,000	5	4,800,000
517	DTZ1658501010032	Lù Văn	Phồng	06/07/1997	Nùng	QLTN Môi trường - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	960,000	5	4,800,000
518	DTZ1658501010031	Ly Thị	Quỳnh	30/04/1997	Nùng	QLTN Môi trường - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	960,000	5	4,800,000
519	DTZ1658501010028	Ma Văn	Thế	19/03/1997	Tày	QLTN Môi trường - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	960,000	5	4,800,000
520	DTZ1658501010008	Giàng A	Tu	16/08/1997	Hơ mông	QLTN Môi trường - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	960,000	5	4,800,000
521	DTZ1658501010018	Vì Thị	Xuân	09/05/1997	Thái	QLTN Môi trường - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	960,000	5	4,800,000
522	DTZ1752850101010	Võ Việt	Anh	07/07/1998	Nùng	QLTN Môi trường - K15	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	960,000	5	4,800,000
523	DTZ1752850101011	Tổng Văn	Bình	10/02/1999	Thái	QLTN Môi trường - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	960,000	5	4,800,000
524	DTZ1752850101008	Sùng Văn	Ca	12/10/1999	Mông	QLTN Môi trường - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	960,000	5	4,800,000
525	DTZ1752850101029	Lừ Seo	Chén	12/01/1990	Mông	QLTN Môi trường - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	960,000	5	4,800,000
526	DTZ1752850101009	Đặng Thị	Dết	15/08/2000	Dao	QLTN Môi trường - K15	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	960,000	5	4,800,000
527	DTZ1752850101032	Mùa A	Dì	04/07/1998	Hơ mông	QLTN Môi trường - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	960,000	5	4,800,000
528	DTZ1752850101037	Phùng Nhù	Hừ	10/05/1999	Hà nhì	QLTN Môi trường - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	960,000	5	4,800,000
529	DTZ1752850101003	Lý Đình	Kiên	01/09/1999	Mông	QLTN Môi trường - K15	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	960,000	5	4,800,000
530	DTZ1752850101007	Lù Gó	Ly	05/07/1999	Hà nhì	QLTN Môi trường - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	960,000	5	4,800,000
531	DTZ1752850101034	Nguyễn Đức	Thắng	18/11/1999	Tày	QLTN Môi trường - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	960,000	5	4,800,000
532	DTZ1752850101036	Lý Hà	Xe	12/02/1999	Hà nhì	QLTN Môi trường - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	960,000	5	4,800,000
533	DTZ1857850101007	Hoàng Quốc	Hung	03/07/2000	Nùng	QLTN Môi trường - K16	Con bệnh binh - Có công với CM	960,000	5	4,800,000
534	DTZ1957850101013	Giàng Ngọc	Son	22/04/2001	Mông	QLTN Môi trường - K17	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	960,000	5	4,800,000
535	DTZ1957850101007	Đèo Văn	Thắng	23/02/2001	Thái	QLTN Môi trường - K17	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	960,000	5	4,800,000
536	DTZ1654202010003	Lù Thị	Xuân	11/03/1998	Thái	CoN Sinh học - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	960,000	5	4,800,000
537	DTZ1957420201021	Lý Thị	Nghiệp	14/01/2001	Pà then	CoN Sinh học - K17	Dân tộc rất ít người ở vùng đặc biệt KK	960,000	5	4,800,000
538	DTZ1957420201006	Nông Thị	Nguyệt	07/04/2001	Nùng	CoN Sinh học - K17	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	960,000	5	4,800,000
539	DTZ1957420201026	Xông Y	Pà	26/01/2001	Mông	CoN Sinh học - K17	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	960,000	5	4,800,000
540	DTZ1957420201013	Sùng A	Sênh	02/01/2001	Hơ mông	CoN Sinh học - K17	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	960,000	5	4,800,000
541	DTZ1654601010005	Giàng Thị	Ho	20/12/1998	Hoa	Toán - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	960,000	5	4,800,000
542	DTZ1654601010006	Sùng Thị	Lai	07/12/1997	Nùng	Toán - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	960,000	5	4,800,000
543	DTZ1653201010034	Trần Chí	Hiếu	12/03/1998	Kinh	Báo chí - K14	Con thương binh - Có công với CM	810,000	5	4,050,000
544	DTZ1653201010014	Đàm Thúy	Phương	16/06/1998	Tày	Báo chí - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
545	DTZ1653201010040	Sùng A	Vư	22/12/1997	Mông	Báo chí - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	810,000	5	4,050,000
546	DTZ1752320101023	Giàng Thị	Dung	18/11/1999	Hơ mông	Báo chí - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
547	DTZ1752320101025	Đặng Văn	Lường	26/06/1999	Dao	Báo chí - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
548	DTZ1752320101011	Nông Hồng	Vân	28/11/1998	Tày	Báo chí - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ ĐỆM	TÊN	NGÀY SINH	DÂN TỘC	LỚP VÀ KHÓA HỌC	ĐỐI TƯỢNG	Số tiền /tháng	Số tháng	Thành tiền
549	DTZ1857320101001	Hồ Hồng	Cường	05/11/2000	Sì la	Báo chí - K16	Mồ côi cha mẹ	810,000	5	4,050,000
550	DTZ1857320101010	Âu Thị	Hương	12/09/1999	Bồ y	Báo chí - K16	Dân tộc rất ít người ở vùng đặc biệt KK	810,000	5	4,050,000
551	DTZ1652203300009	Hoàng Thị	Xọa	11/11/1998	Mông	Văn học - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	810,000	5	4,050,000
552	DTZ1857810101063	Lầu Mí	Chá	10/02/2000	Hơ mông	Du Lịch - K16	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	960,000	5	4,800,000
553	DTZ1857810101005	Sùng Thị	Chư	06/08/2000	Mông	Du Lịch - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	960,000	5	4,800,000
554	DTZ1857810101009	Nùng Thị	Diệp	29/09/1998	Giáy	Du Lịch - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	960,000	5	4,800,000
555	DTZ1857810101014	Bùi Hoàng	Hà	29/08/2000	Tày	Du Lịch - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	960,000	5	4,800,000
556	DTZ1857810101021	Chu Thị	Huệ	01/02/2000	Dao	Du Lịch - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	960,000	5	4,800,000
557	DTZ1857810101062	Ly Mí	Hùng	21/06/2000	Mông	Du Lịch - K16	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	960,000	5	4,800,000
558	DTZ1857810101033	Sùng Thị	Máy	10/12/2000	Mông	Du Lịch - K16	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	960,000	5	4,800,000
559	DTZ1857810101036	Vàng Thị	Mỹ	04/08/2000	Mông	Du Lịch - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	960,000	5	4,800,000
560	DTZ1857810101037	Sùng Thị	Ná	22/06/2000	Hơ mông	Du Lịch - K16	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	960,000	5	4,800,000
561	DTZ1857810101064	Mùa A	Tuấn	03/01/2000	Hơ mông	Du Lịch - K16	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	960,000	5	4,800,000
562	DTZ1857810101059	H' Lâm Oanh Rơ	Yam	06/01/1999	M' nông	Du Lịch - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	960,000	5	4,800,000
563	DTZ1957810101020	Triệu Thị Thu	Hằng	16/08/2001	Dao	Du Lịch - K17	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	960,000	5	4,800,000
564	DTZ1957810101058	Trương Thị	Nhánh	07/05/2000	Mông	Du Lịch - K17	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	960,000	5	4,800,000
565	DTZ1957810101036	Hà Thị	Phượng	23/04/2000	Thái	Du Lịch - K17	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	960,000	5	4,800,000
566	DTZ1957810101054	Trần Đức	Quyền	16/05/2001	Nùng	Du Lịch - K17	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	960,000	5	4,800,000
567	DTZ1957810101034	Thào Thị	Súa	19/11/2001	Mông	Du Lịch - K17	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	960,000	5	4,800,000
568	DTZ1957810101031	Lý Công	Thế	03/10/2001	Tày	Du Lịch - K17	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	960,000	5	4,800,000
569	DTZ1957810101035	Đỗ Lâm	Thào	12/06/2001	Tày	Du Lịch - K17	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	960,000	5	4,800,000
570	DTZ1957810101056	Nông Thị	Thúy	17/09/2001	Tày	Du Lịch - K17	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	960,000	5	4,800,000
571	DTZ1957810101027	Đặng Thị	Thùy	16/03/2001	Dao	Du Lịch - K17	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	960,000	5	4,800,000
572	DTZ1957810101041	Lù Mụ	Xó	22/10/2001	Hà nhì	Du Lịch - K17	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	960,000	5	4,800,000
573	DTZ1655281020033	Bùi Thị	Ánh	05/07/1998	Mường	QT Du lịch - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	960,000	5	4,800,000
574	DTZ1655281020020	Bế Thị	Đạt	28/12/1997	Tày	QT Du lịch - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	960,000	5	4,800,000
575	DTZ1655281020038	Bế Thị Ngọc	Hân	20/06/1998	Nùng	QT Du lịch - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	960,000	5	4,800,000
576	DTZ1655281020039	Lý Thị	Mến	11/07/1998	Tày	QT Du lịch - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	960,000	5	4,800,000
577	DTZ1655281020019	Dương Văn	Thắng	01/01/1998	Tày	QT Du lịch - K14	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	960,000	5	4,800,000
578	DTZ1655281020050	Triệu Thị	Ton	05/10/1998	Dao	QT Du lịch - K14	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	960,000	5	4,800,000
579	DTZ1752528102047	Văn Thị	Huế	20/02/1999	Nùng	QT Du lịch - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	960,000	5	4,800,000
580	DTZ1752528102021	Lưu Minh	Lý	25/10/1999	Tày	QT Du lịch - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	960,000	5	4,800,000
581	DTZ1752528102067	Lý Thị	Má	30/09/1999	Mông	QT Du lịch - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	960,000	5	4,800,000
582	DTZ1752528102055	Nông Thị	Oanh	01/09/1999	Tày	QT Du lịch - K15	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	960,000	5	4,800,000
583	DTZ1752528102046	Nguyễn Thị Hồng	Tươi	01/01/1999	Tày	QT Du lịch - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	960,000	5	4,800,000
584	DTZ1752528102050	Hà Thị	Thảo	20/12/1998	Thái	QT Du lịch - K15	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	960,000	5	4,800,000
585	DTZ1752528102054	Giàng A	Vàng	15/02/1999	Hơ mông	QT Du lịch - K15	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	960,000	5	4,800,000

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ ĐỆM	TÊN	NGÀY SINH	DÂN TỘC	LỚP VÀ KHÓA HỌC	ĐỐI TƯỢNG	Số tiền /tháng	Số tháng	Thành tiền
586	DTZ1857810103003	Pon Vinh	Bảo	13/08/2000	Giáy	QT Du lịch A - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	960,000	5	4,800,000
587	DTZ1857810103004	Lù Thị	Chăm	07/07/2000	Giáy	QT Du lịch A - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	960,000	5	4,800,000
588	DTZ1857810103006	Vừ A	Chi	20/10/2000	Hơ mông	QT Du lịch A - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	960,000	5	4,800,000
589	DTZ1857810103010	Nông Đình	Du	12/11/2000	Tày	QT Du lịch A - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	960,000	5	4,800,000
590	DTZ1857810103009	Và Thị	Dợ	07/03/2000	Mông	QT Du lịch A - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	960,000	5	4,800,000
591	DTZ1857810103011	Vàng A	Dựa	01/05/2000	Mông	QT Du lịch A - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	960,000	5	4,800,000
592	DTZ1857810103015	Phùng Thị	Ghén	24/12/2000	Dao	QT Du lịch A - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	960,000	5	4,800,000
593	DTZ1857810103017	Lương Thị Thu	Hà	22/05/2000	Tày	QT Du lịch A - K16	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	960,000	5	4,800,000
594	DTZ1857810103023	Hà Thị	Huệ	16/03/2000	Tày	QT Du lịch A - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	960,000	5	4,800,000
595	DTZ1857810103088	Lý Thị	Liên	08/11/1999	Dao	QT Du lịch A - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	960,000	5	4,800,000
596	DTZ1857810103031	Lương Thị Bảo	Ngọc	08/12/2000	Tày	QT Du lịch A - K16	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	960,000	5	4,800,000
597	DTZ1857810103036	Khoảng Thị	Phương	02/08/1999	Thái	QT Du lịch A - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	960,000	5	4,800,000
598	DTZ1857810103084	Lý A	Sa	16/03/2000	Hơ mông	QT Du lịch A - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	960,000	5	4,800,000
599	DTZ1857810103040	Quảng Văn	Tam	14/06/2000	Thái	QT Du lịch A - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	960,000	5	4,800,000
600	DTZ1857810103044	Nông Thị	Trang	20/11/2000	Tày	QT Du lịch A - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	960,000	5	4,800,000
601	DTZ1857810103049	Sùng Thị	Vân	14/06/2000	Mông	QT Du lịch A - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	960,000	5	4,800,000
602	DTZ1857810103075	Trần Thị Trà	My	04/04/2000	Nùng	QT Du lịch B - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	960,000	5	4,800,000
603	DTZ1857810103101	Trần Hoàng	Long	23/09/2000	Nùng	QT Du lịch B - K16	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	960,000	5	4,800,000
604	DTZ1957810103094	Nguyễn Văn	Dương	26/05/2001	Tày	QT Du lịch B - K17	Dân tộc thiểu số - Cận nghèo	960,000	5	4,800,000
605	DTZ1957810103095	Ma Thị	Linh	27/06/2001	Tày	QT Du lịch B - K17	Dân tộc thiểu số - Hộ nghèo	960,000	5	4,800,000
Tổng cộng								590,460,000		2,521,500,000

Số tiền bằng chữ: Hai tỷ chín trăm sáu mươi năm triệu hai trăm nghìn đồng./.

**Danh sách gồm 605 sinh viên.*

Nhóm ngành TN 95
Nhóm ngành XH 510

Thái Nguyên, ngày tháng 10 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU

ThS. Nguyễn Hoàng

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ ĐỆM	TÊN	NGÀY SINH	DÂN TỘC	LỚP VÀ KHÓA HỌC	ĐỐI TƯỢNG	Số tiền /tháng	Số tháng	Thành tiền
-----	--------------	--------	-----	-----------	---------	-----------------	-----------	-------------------	----------	------------